

Số: 01 /2019/QĐ-UBND

TP. Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế Thi đua, khen thưởng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy chế Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Cơ quan Tổ chức - Nội vụ thành phố tại Tờ trình số 36-TTr/TC-NV ngày 14/01/2019 và ý kiến thẩm định của Phòng Tư pháp thành phố tại Báo cáo số 56/BC-TP ngày 10/12/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Thi đua, khen thưởng.

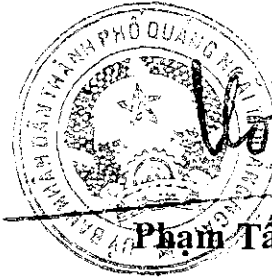
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 01 năm 2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng thành phố; Trưởng Cơ quan Tổ chức - Nội vụ; Thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường; các cơ quan thuộc khối thi đua của thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh;
- TTTU, TT HĐND thành phố;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Lưu: VT, TC-NV(04).TM(80).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Tân Hoàng

QUY CHẾ

Thi đua, khen thưởng

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 01 /2018/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 01 năm 2018 của UBND thành phố Quảng Ngãi)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc tổ chức phong trào thi đua, công tác khen thưởng; đối tượng, tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; thẩm quyền xét khen thưởng, đề nghị khen thưởng; tuyến trình khen thưởng; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; Hội đồng sáng kiến; Quỹ thi đua, khen thưởng các cấp trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với công dân Việt Nam, các cơ quan Đảng, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên, đơn vị sự nghiệp, các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, gia đình, người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài và tổ chức nước ngoài tham gia các phong trào thi đua, đạt được thành tích tiêu biểu xuất sắc, đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của thành phố Quảng Ngãi.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003; Khoản 2, Khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16/11/2013 và Điều 3 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng.

2. Các đối tượng được quy định tại Điều 2 Quy chế này tham gia các phong trào thi đua, đạt được thành tích tiêu biểu xuất sắc thì được xét, đề nghị tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định của pháp luật. Không xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho các tập thể, cá nhân trên địa bàn thành phố có đủ điều kiện nhưng không tham gia đăng ký và tổ chức thực hiện phong trào thi đua.

3. Chưa xét khen thưởng đối với tập thể, cá nhân đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền xem xét thi hành kỷ luật; đang bị điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ; cơ quan, đơn vị, địa phương có người đứng đầu đang bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên; cơ quan, đơn vị, địa phương có thời gian hoạt động dưới 01 năm (12 tháng).

4. Đối với mỗi tập thể, cá nhân trong 01 năm chỉ có thể đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tặng 01 Giấy khen về thành tích toàn diện (khen thưởng xuyên) và không quá 02 giấy khen về thành tích thi đua theo đợt (chuyên đề), trừ trường hợp khen thưởng đột xuất. Việc khen thưởng tập thể, cá nhân nhân dịp đại hội nhiệm kỳ (do cấp thành phố tổ chức), kỷ niệm ngày truyền thống của ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

5. Các cơ quan, đơn vị, địa phương khi xét thi đua, khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng thì tỷ lệ cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý (có hưởng phụ cấp chức vụ) không được quá 50% tổng số cá nhân đề nghị khen thưởng; quan tâm khen thưởng các tập thể nhỏ.

Chương II

TỔ CHỨC THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 4. Hình thức tổ chức phong trào thi đua

1. Thi đua thường xuyên, thi đua theo đợt (chuyên đề) thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ).

2. Trước khi tổ chức phát động phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề) trong phạm vi các cơ quan, đơn vị, địa phương hoặc liên ngành; cơ quan được giao chủ trì phải gửi kế hoạch tổ chức phong trào thi đua, đăng ký số lượng khen thưởng về cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố để theo dõi, tổng hợp và hướng dẫn khen thưởng. Khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua theo đợt hoặc thi đua chuyên đề từ 03 năm trở lên, các cơ quan, đơn vị, địa phương được giao chủ trì phải đề ra các tiêu chuẩn, triển khai việc xét, đề nghị khen thưởng và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tặng Giấy khen cho tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc.

Điều 5. Nội dung, phương pháp tổ chức phong trào thi đua

1. Nội dung thi đua phải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, năng lực thực tế, tính cấp bách và yêu cầu phát triển của địa

phương, cơ quan, tổ chức, đơn vị đề đề ra nội dung, phương pháp thi đua cụ thể, thiết thực, phù hợp, đảm bảo tính khoa học và đúng pháp luật. Phong trào thi đua phải có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ tuyên truyền, dễ thực hiện.

2. Xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu, phạm vi, đối tượng và thời gian thi đua, trên cơ sở nhiệm vụ chính trị được giao, từ đó đề ra các nội dung, hình thức tổ chức phát động thi đua cho phù hợp. Chỉ tiêu phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao phải cao hơn, thời hạn hoàn thành phải sớm hơn. Tổ chức phát động và đăng ký giao ước thi đua giữa tập thể với tập thể, cá nhân với cá nhân, gia đình với gia đình trong từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Xây dựng kế hoạch, xác định biện pháp phối hợp giữa các cấp chính quyền với Mặt trận và các tổ chức thành viên, các cơ quan thông tin đại chúng để tuyên truyền mục đích ý nghĩa của phong trào thi đua, vận động đông đảo cán bộ, đảng viên và quần chúng phát huy tinh thần trách nhiệm, tự giác tham gia, đồng thời nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu. Đa dạng hóa các hình thức phát động thi đua, tránh phô trương hình thức. Chú trọng công tác chỉ đạo điềm, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các phong trào thi đua.

4. Tổ chức sơ kết, tổng kết phong trào thi đua nhằm đánh giá kết quả thực hiện, phổ biến những kinh nghiệm hay, cách làm mới trong phong trào thi đua, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc để khen thưởng và đề nghị khen thưởng. Kịp thời tổ chức tuyên truyền để biểu dương, tôn vinh, nhân rộng những gương điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua.

Điều 6. Trách nhiệm tổ chức thực hiện phong trào thi đua và công tác khen thưởng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố chịu trách nhiệm chỉ đạo và phát động phong trào thi đua trên địa bàn toàn thành phố; xem xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng các tập thể, cá nhân đạt thành tích tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua của thành phố.

2. Cơ quan Tổ chức - Nội vụ thành phố, Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố về chủ trương, nội dung, kế hoạch, tổ chức phát động phong trào thi đua, công tác tuyên truyền, biện pháp nâng cao hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng; việc phân chia các khối, cụm thi đua của thành phố; công tác sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, biểu dương, nhân rộng các điển hình tiên tiến; công tác kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng. Thẩm định hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng các tập thể, cá nhân theo đúng quy định của pháp luật và Quy chế này.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố, các cơ quan tham mưu giúp việc Thành ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội thành phố, các tổ chức xã hội, các lực lượng vũ trang thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường chịu trách nhiệm tổ chức phát động, chỉ đạo triển khai phong trào thi đua và thực hiện công tác khen thưởng, đề nghị khen thưởng trong phạm vi quản lý.

4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên có trách nhiệm phối hợp với chính quyền cùng cấp tổ chức phát động phong trào thi đua, tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia. Giám sát, kiến nghị giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện các phong trào thi đua và chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng của các cấp chính quyền.

5. Các cơ quan thông tin đại chúng thuộc Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm tuyên truyền chủ trương, của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng, thường xuyên cổ vũ các phong trào thi đua. Phát hiện nêu gương điển hình tiên tiến, gương người tốt việc tốt, phổ biến những cách làm hay, phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

6. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các xã, phường có trách nhiệm tham mưu, đề xuất giúp người đứng đầu tổ chức phát động các phong trào thi đua và thực hiện khen thưởng đúng quy định.

Điều 7. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến” được xét tặng hàng năm theo tiêu chuẩn quy định tại Điều 10 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” được xét tặng hàng năm theo tiêu chuẩn quy định tại Khoản 3, Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Tỷ lệ cá nhân được xét công nhận danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” của cơ quan, đơn vị, địa phương. Nếu tính tỷ lệ % không đủ 01 cá nhân thì được đề nghị tối đa 01 cá nhân, nếu có số dư từ 0,5 trở lên thì được làm tròn thành 01.

3. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh” được xét tặng cho cá nhân đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 2, Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và được xét, đề nghị vào năm cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” lần thứ ba (liên tục).

Tỷ lệ đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh” thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 7 Quy chế Thi đua, khen thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 20/9/2018 của UBND tỉnh và được tính trên tổng số cá nhân có 03 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” của thành phố.

4. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc” thực hiện theo quy định tại Khoản 4, Điều 7 Quy chế Thi đua, khen thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 20/9/2018 của UBND tỉnh.

Điều 8. Danh hiệu thi đua đối với tập thể

1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” được xét tặng hàng năm cho các tập thể đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 28 Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003. Nếu có tổ chức Đảng phải đạt “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”; tổ chức Công đoàn đạt “Công đoàn khá” trở lên.

2. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng hàng năm cho các tập thể đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 27 Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003 và tiêu biểu nhất trong số các tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”. Nếu có tổ chức Đảng thì phải đạt “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên; tổ chức Công đoàn đạt “Công đoàn vững mạnh”. Đối tượng, tỷ lệ xét cụ thể như sau:

a) Đối tượng: Các phòng, ban và đơn vị tương đương trực thuộc thành phố; tập thể cán bộ, công chức Ủy ban nhân dân các xã, phường.

b) Tỷ lệ đề nghị xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” hàng năm không quá 30% (riêng ngành Giáo dục và Đào tạo không quá 15%) trong tổng số tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” của Khối, Cụm thi đua. Nếu tính tỷ lệ % không đủ 01 tập thể thì được đề nghị tối đa 01 tập thể, nếu có số dư từ 0,5 trở lên thì được đề nghị thêm 01 tập thể.

c) Trường hợp đặc biệt các Khối, Cụm thi đua có nhiều đơn vị xứng đáng, đạt tiêu chuẩn theo quy định nhưng số lượng đề nghị “Tập thể lao động xuất sắc” vượt quá tỷ lệ quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều này thì Hội đồng Thi đua – Khen thưởng thành phố xem xét, đề nghị không vượt quá số lượng được đề nghị chung của thành phố.

3. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” thực hiện theo Khoản 3, Điều 8, Quy chế Thi đua, khen thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 20/9/2018 của UBND tỉnh.

Trường hợp tập thể được Cụm thi đua bầu chọn đề nghị tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” nhưng Hội đồng Thi đua – Khen thưởng thành phố bỏ phiếu kín không đạt tỷ lệ đồng ý theo quy định thì Hội đồng xem xét đề nghị khen thưởng ở mức thấp hơn (Bằng khen).

4. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” thực hiện theo Khoản 4, Điều 8, Quy chế Thi đua, khen thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 20/9/2018 của UBND tỉnh.

Điều 9. Danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”

Việc xét, công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa” thực hiện theo quy định tại Điều 29, Điều 30 Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003 và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 10. Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố

1. Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố được thực hiện theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Số lượng đề nghị tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Khen thưởng theo thành tích hàng năm:

- Đối với cơ quan, đơn vị, lực lượng vũ trang thuộc thành phố:

+ Các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố đề nghị khen thưởng cá nhân không vượt quá 15% trong số cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến của cơ quan, đơn vị. Tập thể đề nghị không vượt quá 30% số tập thể đạt tập thể Lao động tiên tiến đối với mỗi khối thi đua của thành phố (tổng số tập thể đạt tập thể Lao động tiên tiến đối với ngành giáo dục – đào tạo).

+ Lực lượng vũ trang thành phố đề nghị khen thưởng cá nhân không vượt quá 10% trong số cá nhân đạt danh hiệu Chiến sỹ tiên tiến.

+ Khối thi đua các tổ chức xã hội thành phố số lượng đề nghị khen thưởng không vượt quá 30% tập thể, 15% cá nhân là cán bộ chủ chốt các hội thuộc khối thi đua.

- Đối với các xã, phường:

+ Đề nghị khen thưởng không vượt quá 15% trong số cá nhân đã được UBND xã, phường công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến và 15% đối với cá nhân đề nghị UBND thành phố công nhận Chiến sỹ tiên tiến. Đối với tập thể đề nghị không vượt quá 30% số tập thể đạt tập thể Lao động tiên tiến của cụm thi đua các xã, phường thuộc thành phố.

+ Đối với cá nhân là người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố đề nghị không quá 15% trong tổng số cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ. Đối với tập thể đề nghị không quá 15% tổng số tập thể thôn, tổ dân phố của mỗi xã, phường.

+ Mỗi xã, phường đề nghị khen thưởng không quá 15% tổng số tập thể là UBMTTQVN, các đoàn thể chính trị - xã hội ở xã, phường; đề nghị không quá 15% tổng số tập thể hội xã hội, không quá 10% đối với cá nhân là cán bộ chủ chốt hội.

Trường hợp tính tỷ lệ không đủ 01 tập thể hoặc 01 cá nhân thì được tính tối đa là 01 tập thể hoặc 01 cá nhân và nếu có số dư từ 0,5 trở lên thì được đề nghị thêm 01 tập thể hoặc 01 cá nhân.

b) Khen thưởng theo chuyên đề, theo đợt: Do cơ quan được giao chủ trì phát động thi đua phối hợp với Cơ quan Tổ chức - Nội vụ thành phố thống nhất số lượng khen thưởng và trình UBND thành phố quyết định.

Điều 11. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo Điều 11, Quy chế Thi đua, khen thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 20/9/2018 của UBND tỉnh.

2. Tỷ lệ xét tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho tập thể, cá nhân đạt thành tích hàng năm:

- Đối với tập thể không quá 25% (riêng ngành Giáo dục và Đào tạo không quá 15%) trong tổng số tập thể của thành phố đạt tiêu chuẩn xét tặng bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Đối với cá nhân không quá 15% (riêng ngành Giáo dục và Đào tạo không quá 10%) trong tổng số cá nhân của thành phố đạt tiêu chuẩn xét tặng bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Khi tính tỷ lệ % các tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng, nếu có số dư lớn hơn 0,5 thì được đề nghị thêm 01 tập thể hoặc 01 cá nhân.

Điều 12. Khen thưởng các tập thể, cá nhân đạt giải thưởng, thành tích cao

Tập thể, cá nhân đạt Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, đạt thành tích cao tại các cuộc thi khu vực quốc gia, quốc gia, khu vực quốc tế, quốc tế được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng bằng khen theo quy định tại Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND ngày 18/6/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Ban hành quy định chính sách khen thưởng cho tập thể, cá nhân của tỉnh Quảng Ngãi đạt Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà

nước, thành tích cao tại các cuộc thi khu vực quốc gia, quốc gia, khu vực quốc tế, quốc tế và Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 8 và Điều 9 Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND ngày 18/6/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 13. Huân chương, huy chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Kỷ niệm chương, Huy hiệu, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14/6/2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16/11/2013 và Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Chương IV

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG, THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 14. Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Quyết định tặng giấy khen; danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động tiên tiến”;

b) Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng bằng khen; danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” cho các đối tượng thuộc quyền quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường quyết định tặng giấy khen và đề nghị cấp trên khen thưởng theo quy định; tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”; đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” cho cán bộ, công chức, nông dân, người lao động thuộc quyền quản lý của cấp xã.

3. Các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng khác được thực hiện theo Khoản 1, Khoản 4, Khoản 5, Điều 15 Quy chế Thi đua, khen thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh và hướng dẫn của Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương.

Điều 15. Quy định về tuyển trình khen thưởng

1. Tuyển trình khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Liên đoàn Lao động thành phố đề nghị Liên đoàn Lao động tỉnh xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng bằng khen; danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

3. Đối với phong trào thi đua theo đợt hoặc thi đua chuyên đề: Cơ quan nào chủ trì phát động thì cơ quan đó tham mưu Ban chỉ đạo xét đề nghị hoặc trực tiếp đề nghị khen thưởng (đối với trường hợp không có Ban chỉ đạo thực hiện phong trào thi đua) khi sơ kết, tổng kết. Chỉ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố khen thưởng đối với tập thể, cá nhân lập được thành tích thật sự tiêu biểu xuất sắc; phải phối hợp với cơ quan tham mưu về thi đua, khen thưởng (Cơ quan Tổ chức - Nội vụ thành phố) xem xét, thống nhất trước khi trình khen thưởng.

4. Đối với các tổ chức kinh tế không thuộc đối tượng quy định tại Điểm a, Điểm b, Khoản 3, Điều 16, Quy chế Thi đua, khen thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 20/9/2018 của UBND tỉnh, nếu có thành tích tiêu biểu xuất sắc (hoạt động sản xuất kinh doanh, nộp ngân sách, bảo vệ môi trường, thực hiện chính sách đối với người lao động, ...) góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của thành phố thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố (tổ chức kinh tế có trụ sở hoặc thường xuyên hoạt động tại thành phố) xem xét khen thưởng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

5. Trường hợp khen thưởng đột xuất đối với tập thể, cá nhân có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của nhà nước, truy bắt tội phạm...: Cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương nào quản lý đối tượng hoặc thuộc ngành, lĩnh vực quản lý của mình thì người đứng đầu khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng (thực hiện theo thủ tục, hồ sơ đơn giản).

Điều 16. Quy định về hiệp y khen thưởng

1. Việc lấy ý kiến hiệp y, xác nhận của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương có liên quan trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho các tập thể, cá nhân do Cơ quan Tổ chức - Nội vụ thành phố thực hiện (tùy theo đối tượng).

2. Nội dung lấy ý kiến hiệp y, xác nhận gồm: Việc chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kết quả đánh giá, xếp loại tổ chức đảng, đoàn thể; việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế, thực hiện chế độ bảo hiểm cho công nhân, người lao động, đảm bảo môi trường trong quá trình sản xuất, kinh doanh, an toàn vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm,...

3. Khi có văn bản xin ý kiến hiệp y, xác nhận của Cơ quan Tổ chức - Nội vụ thành phố, sau 05 ngày làm việc (tính theo dấu Bưu điện hoặc ký nhận

công văn đến) cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản, quá thời gian nêu trên nếu không có ý kiến trả lời, Cơ quan Tổ chức - Nội vụ thành phố trình khen thưởng theo quy định. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương được xin ý kiến hiệp y, xác nhận chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung hiệp y, xác nhận.

Điều 17. Quy định về thời điểm nhận hồ sơ, thời gian thẩm định trình khen thưởng

1. Thời điểm gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng các danh hiệu thi đua, khen thưởng thường xuyên thực hiện theo Điều 18, Quy chế Thi đua, khen thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

2. Thời điểm gửi hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng:

a) Đề nghị khen thưởng hàng năm (khen thưởng xuyên) gửi trước ngày 15 tháng 12 hàng năm; đối với ngành giáo dục đào tạo gửi trước ngày 30 tháng 6 hàng năm.

b) Đề nghị khen thưởng khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề), đại hội nhiệm kỳ, kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống của cơ quan, đơn vị, địa phương gửi hồ sơ trước ngày tổ chức ít nhất 10 ngày.

3. Thời gian thẩm định hồ sơ và trình cấp có thẩm quyền khen thưởng ở thành phố và xã, phường thực hiện theo Điểm a, Khoản 2, Điều 48 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính Phủ. Đối với khen thưởng đột xuất, thời gian thẩm định hồ sơ không quá 5 ngày làm việc.

Điều 18. Thủ tục, hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Thủ tục, hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng danh hiệu thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Điều 19, Quy chế Thi đua, khen thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

2. Thủ tục, hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xét tặng danh hiệu thi đua, khen thưởng:

a) Khen thưởng thường xuyên cho tập thể, cá nhân 01 bộ (bản chính), gồm:

- Tờ trình của Khối trưởng, Cụm trưởng khối, cụm thi đua.

- Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân (theo mẫu tại Phụ lục được kèm theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ) có xác nhận của đơn vị trình khen thưởng (kèm theo tài liệu minh chứng cho thành tích, nếu có).

- Biên bản họp xét khen thưởng của Khối, Cụm thi đua.

- Tóm tắt thành tích nổi bật của tập thể, cá nhân và gửi kèm văn bản điện tử.

Ngoài ra đối với khen thưởng trình cấp trên, sau khi Hội đồng Thi đua – Khen thưởng xét thống nhất, cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua – Khen thưởng sẽ hướng dẫn các tập thể, cá nhân hoàn thiện, bổ sung hồ sơ đủ số lượng theo quy định.

b) Khen thưởng theo đợt, theo chuyên đề cho tập thể, cá nhân 01 bộ (bản chính), gồm:

- Tờ trình của Ban chỉ đạo chuyên đề hoặc Tờ trình của các cơ quan, đơn vị, địa phương (nếu không có Ban chỉ đạo).

- Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân (theo mẫu tại Phụ lục được kèm theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ) có xác nhận của Ban chỉ đạo, các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Biên bản họp xét khen thưởng của Ban chỉ đạo, các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Tóm tắt thành tích nổi bật của tập thể, cá nhân và gửi kèm văn bản điện tử.

- Kế hoạch sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, văn bản triển khai khen thưởng của Ban chỉ đạo hoặc cơ quan chủ trì phong trào thi đua có quy định đối tượng, tiêu chuẩn và các văn bản có liên quan.

c) Khen thưởng đột xuất cho tập thể, cá nhân 01 bộ (bản chính), gồm:

- Tờ trình của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Bản tóm tắt thành tích của tập thể, cá nhân (ghi rõ hành động, thành tích đề nghị khen thưởng).

4. Đối với các hồ sơ khen thưởng theo đợt, theo chuyên đề (có Ban chỉ đạo chuyên đề) sau khi kiểm tra, Cơ quan Tổ chức - Nội vụ thành phố xin ý kiến của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Hội đồng Thi đua – Khen thưởng thành phố bằng văn bản và trình Chủ tịch UBND thành phố quyết định.

Đối với các hồ sơ khen thưởng theo đợt, theo chuyên đề (không có Ban chỉ đạo chuyên đề) sau khi kiểm tra, xử lý hồ sơ, Cơ quan Tổ chức - Nội vụ thành phố xin ý kiến Hội đồng Thi đua – Khen thưởng thành phố bằng văn bản và trình Chủ tịch UBND thành phố quyết định.

5. Đối với hồ sơ khen thưởng đột xuất, do cơ quan trình khen rà soát và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thành tích, sau khi kiểm tra, Cơ quan Tổ chức - Nội vụ thành phố xin ý kiến bằng văn bản của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Hội đồng Thi đua – Khen thưởng thành phố và trình Chủ tịch UBND thành phố quyết định.

6. Hồ sơ đề nghị công nhận thôn, tổ dân phố văn hóa, cơ quan văn hóa thực hiện theo quy định của UBND tỉnh và Bộ, ngành có liên quan.

Điều 19. Trao tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

Việc công bố, trao tặng và đón nhận các hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ Quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón tiếp khách nước ngoài và Khoản 2, Điều 44 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Chương V

QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG, SỬ DỤNG, QUẢN LÝ QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG, MỨC TIỀN THƯỞNG VÀ CHẾ ĐỘ ƯU ĐÃI

Điều 20. Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Việc lập, sử dụng và quản lý quỹ thi đua, khen thưởng các cấp trên địa bàn thành phố thực hiện theo quy định tại các Điều 64, 65, 66, 67 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Đối với việc khen thưởng theo đợt (chuyên đề), theo các chương trình mục tiêu, nếu trong chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt có khoản chi cho khen thưởng thì tiền thưởng được trích từ nguồn kinh phí đó.

Điều 21. Sử dụng và quản lý Quỹ Thi đua, Khen thưởng

1. Nội dung chi tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng:

a) Chi tiền thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm theo các quyết định khen thưởng.

b) Chi nghiệp vụ gồm: In ấn phôi Giấy chứng nhận, Giấy khen; in nội dung Giấy chứng nhận, Giấy khen; khung Giấy khen, giấy ép nhựa, mực in chuyên dụng; làm hiện vật khen thưởng...

c) Chi công tác phục vụ tổ chức, chỉ đạo các phong trào thi đua và công tác thẩm định hồ sơ khen thưởng: Mức trích chi cho công tác tổ chức, chỉ đạo không quá 20% trong tổng Quỹ thi đua, khen thưởng để chi cho nhiệm vụ sau:

- Chi tổ chức các cuộc họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; Hội đồng sáng kiến thành phố.

- Chi tổ chức, chỉ đạo các phong trào thi đua, hội nghị ký kết giao ước thi đua; hội nghị sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng các gương điển hình tiên tiến, chi tập huấn nghiệp vụ công tác thi đua, khen thưởng.

- Chi cho cán bộ đi kiểm tra để thực hiện việc kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng.

- Chi cho công tác thẩm định hồ sơ khen thưởng và một số khoản chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác tổ chức, chỉ đạo phong trào thi đua.

2. Mức chi: Thực hiện theo quy định tài chính hiện hành.

3. Quản lý Quỹ Thi đua, khen thưởng

a) Chủ tịch UBND thành phố ủy quyền cho Cơ quan Tổ chức - Nội vụ thành phố trực tiếp quản lý Quỹ Thi đua, khen thưởng của thành phố; Chủ tịch UBND cấp xã quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp xã; nguồn trích, tỷ lệ và mức trích trên cơ sở dự toán kế hoạch chi trong năm. Việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng đối tượng và mức thưởng quy định. Quỹ Thi đua, khen thưởng cuối năm còn dư được chuyển sang năm sau để tiếp tục sử dụng cho công tác thi đua, khen thưởng.

b) Chủ tịch UBND cấp xã theo thẩm quyền quyết định khen thưởng thì tiền thưởng được chi theo quy định từ Quỹ thi đua, khen thưởng của đơn vị mình quản lý.

Điều 22. Mức tiền thưởng và chế độ ưu đãi

1. Mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân thực hiện theo quy định tại các Điều 68, 69, 70, 71, 72, 73, 74, 75 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Khoản 3, 4, 5, 6, Điều 28, Quy chế Thi đua, khen thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

2. Đối với việc khen thưởng tập thể, cá nhân lập được thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét quyết định mức tiền thưởng tùy theo từng trường hợp cụ thể.

3. Cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài có thành tích tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện, đóng góp tiền của ủng hộ các quỹ xã hội trong thành phố dưới hình thức tự nguyện, khi được khen thưởng không kèm theo tiền thưởng, trường hợp cần thiết kèm theo tặng phẩm kỷ niệm.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố, đoàn thể cấp thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

2. Cơ quan Tổ chức - Nội vụ có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện Quy chế này. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, khó khăn, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương và cá nhân phản ánh về Cơ quan Tổ chức - Nội vụ để tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phạm Tân Hoàng